Phụ lục số 02

DANH MỤC GIÁ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT YÊU CẦU

BẰNG PHƯƠNG PHÁP VÔ CẢM GÂY TÊ CHƯA BAO GỒM CHI PHÍ THUỐC VÀ Ô XY SỬ DỤNG CHO DỊCH VỤ

TẠI BỆNH VIỆN SẢN NHI GIAI ĐOẠN 2024-2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVSN ngày /12/2024)

STT	Tên dịch vụ theo Phụ lục 01 Thông tư 23/2024/TT-BYT	Đơn vị tính	Mức giá (Đồng)	Ghi chú
1	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	Lần	4.820.000	
2	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	Lần	6.860.000	
3	Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung	Lần	3.180.000	
4	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	Lần	7.460.000	
5	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	Lần	5.740.000	
6	Cắt u vú lành tính	Lần	5.740.000	
7	Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay	Lần	5.740.000	
8	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	Lần	6.210.000	
9	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	Lần	6.210.000	
10	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)	Lần	7.520.000	
11	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)	Lần	7.520.000	
12	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	Lần	7.720.000	
13	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	Lần	7.720.000	
14	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối	Lần	7.720.000	
15	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	Lần	7.720.000	
16	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	Lần	6.160.000	
17	Cắt u nang buồng trứng xoắn	Lần	5.840.000	
18	Cắt u nang buồng trứng	Lần	5.840.000	
19	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	Lần	5.840.000	
20	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Lần	5.840.000	

STT	Tên dịch vụ theo Phụ lục 01 Thông tư 23/2024/TT-BYT	Đơn vị tính	Mức giá (Đồng)	Ghi chú
21	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có choáng	Lần	5.840.000	
22	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc	Lần	10.340.000	
23	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp buồng tử cung	Lần	10.340.000	
24	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	Lần	10.340.000	
25	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung	Lần	10.340.000	
26	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	Lần	10.340.000	
27	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp	Lần	10.340.000	
28	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ	Lần	10.340.000	
29	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung	Lần	10.340.000	
30	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn	Lần	10.340.000	
31	Ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo	Lần	5.030.000	
32	Ghép da dị loại độc lập	Lần	5.030.000	
33	Phẫu thuật điều trị tách bàn chân (càng cua)	Lần	5.030.000	
34	Vá da dày toàn bộ, diện tích dưới 10 cm^2	Lần	5.030.000	
35	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	Lần	5.030.000	
36	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Lần	4.980.000	
37	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	Lần	4.980.000	
38	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Lần	4.980.000	
39	Cắt bỏ tinh hoàn	Lần	4.980.000	
40	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn ẩn trong ổ bụng	Lần	4.980.000	
41	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình thì 2	Lần	4.980.000	
42	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ niệu đạo mặt lưng dương vật	Lần	4.980.000	
43	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chổ	Lần	4.980.000	

STT	Tên dịch vụ theo Phụ lục 01 Thông tư 23/2024/TT-BYT	Đơn vị tính	Mức giá (Đồng)	Ghi chú
44	Cắt nối niệu đạo trước	Lần	7.270.000	
45	Cắt nối niệu đạo sau	Lần	7.270.000	
46	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu	Lần	7.270.000	
47	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	Lần	7.270.000	
48	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thì	Lần	7.270.000	
49	Phẫu thuật thoát vị rốn và khe hở thành bụng	Lần	5.410.000	
50	Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bịt	Lần	5.410.000	
51	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt	Lần	5.410.000	
52	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt	Lần	5.410.000	
53	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	Lần	5.410.000	
54	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	Lần	5.410.000	
55	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt	Lần	5.410.000	
56	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt	Lần	5.410.000	
57	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên	Lần	5.410.000	
58	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính trên 10 cm	Lần	4.920.000	
59	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính 5 - 10 cm	Lần	4.920.000	
60	Phẫu thuật U máu	Lần	4.920.000	
61	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính 5 - 10 cm	Lần	4.920.000	
62	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	Lần	5.540.000	
63	Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ	Lần	5.540.000	
64	Đặt ống thông khí màng nhĩ	Lần	5.540.000	
65	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	Lần	5.540.000	
66	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	Lần	10.980.000	

STT	Tên dịch vụ theo Phụ lục 01 Thông tư 23/2024/TT-BYT	Đơn vị tính	Mức giá (Đồng)	Ghi chú
67	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)	Lần	9.800.000	
68	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	Lần	6.010.000	
69	Tháo bỏ các ngón chân	Lần	5.210.000	
70	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	Lần	5.210.000	
71	Tháo đốt bàn	Lần	5.210.000	
72	Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	Lần	5.210.000	
73	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	Lần	5.210.000	
74	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	Lần	5.210.000	
75	Cắt u xương sụn lành tính	Lần	6.000.000	
76	Phẫu thuật trĩ độ 3	Lần	4.940.000	
77	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	Lần	4.940.000	
78	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	Lần	4.820.000	
79	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	Lần	4.820.000	
80	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	Lần	5.070.000	
81	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu	Lần	5.070.000	
82	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	Lần	5.070.000	